

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 635/2026/DS-PT
Ngày: 10-9-2026
V/v tranh chấp đòi tài sản và bồi
thường thiệt hại về tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Lập

Các Thẩm phán: Ông Ninh Quang Thế

Ông Nguyễn A Đam

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Chơn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Diễm Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 451/2026/TLPT-DS ngày 05 tháng 8 năm 2026 về việc: Tranh chấp đòi lại tài sản và bồi thường thiệt hại về tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 122/2026/DS-ST ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 613/2026/QĐ-PT ngày 12 tháng 8 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Huỳnh Văn Ú, sinh năm 1977. Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã V, tỉnh Cà Mau.

Căn cước công dân số: 095077002738, cấp ngày 02/7/2021

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Anh Huỳnh Hoàng B, sinh năm 2003. Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã V, tỉnh Cà Mau (Có mặt).

Căn cước công dân số: 095203001601, cấp ngày 20/4/2021.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1973. Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã V, tỉnh Cà Mau (Vắng mặt).

Căn cước công dân số: 095073006561, cấp ngày 11/8/2021

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1981. Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã V, tỉnh Cà Mau (Vắng mặt).

Căn cước công dân số: 095181009953, cấp ngày 11/8/2021

- *Người kháng cáo:* Ông Huỳnh Văn Ú là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo ông Huỳnh Văn Ú trình bày:*

Vào ngày 02/3/2025 âm (nhằm ngày 30/3/2025 dương), ông Ú có thoả thuận bằng biên nhận viết tay với vợ chồng ông Nguyễn Văn S và bà Huỳnh Thị N là ông S và bà N thi công xây cất nhà mồ cho gia đình ông Ú với tổng số tiền công là 27.000.000 đồng. Ông Ú đã cho ông S và bà N ứng trước số tiền 7.000.000 đồng. Quá trình thi công, do ông S và bà N thuê thợ làm nhưng không biết làm, nên ông Ú kêu ông S kiếm thợ khác nhưng ông S không kiếm rồi bỏ ngang không làm nữa. Nay ông Ú yêu cầu Tòa án buộc ông S và bà N hoàn trả và bồi thường cho ông Ú tổng số tiền là 35.400.000 đồng. Bao gồm:

+ Hoàn trả số tiền 7.000.000 đồng đã nhận ứng trước.

+ Bồi thường thiệt hại số tiền 28.400.000 đồng, gồm:

1. Chi phí thuê thợ khác để hoàn thành công trình tổng cộng là 12.500.000 đồng. Lý do: Theo thoả thuận tổng số tiền công hoàn thành nhà mồ là 27.000.000 đồng; ông S và bà N đã ứng trước 7.000.000 đồng, còn lại là 20.000.000 đồng. Nếu ông S và bà N thực hiện đúng thoả thuận hoàn thành công trình thì ông Ú chỉ cần trả họ số tiền còn lại như thoả thuận mà không có phát sinh thêm. Do ông S và bà N đã bỏ dở nửa chừng không làm nữa và những phần việc ông S và bà N đã làm xuất hiện rất nhiều lỗi, nên buộc ông Ú phải thuê thợ khác để xây dựng công trình cũng như sửa chữa lại những gì mà ông S và bà N làm sai. Chi phí thuê thợ mới gồm: Thuê ông Phan Văn H làm phần hồ của nhà mồ là 24.000.000 đồng và thuê ông Trần Quốc T làm phần nóc nhà mồ là 8.500.000 đồng; tổng cộng là 32.500.000 đồng. Số tiền này đã vượt quá nguồn quỹ của ông Ú là 12.500.000 đồng mà đáng lẽ ông Ú không bị phát sinh khoản này nếu ông S và bà N tuân thủ đúng thoả thuận đã ký kết. Do đó, ông Ú yêu cầu ông S và bà N bồi thường số tiền phát sinh để thuê thợ mới này.

2. Chi phí sửa chữa các hạng mục công trình bị ông S và bà N thi công sai lỗi tổng cộng là 7.000.000 đồng, gồm chi phí sửa chữa: 06 cây cột 3,2m/cây, cây đà dài 22,4m, lan can dài 16m, đoạn đà tường dài 3,5m, vách tường kích thước 3,2m x 6m, hư tổn 06 móng cột và bức tường lan can rộng 1,6m². Việc tính toán từng vật tư cho các hạng mục là không thể vì các hạng mục bị ông S và bà N làm nghiêng, không thẳng đứng, sai kích thước nên có chỗ bị đục bỏ, có chỗ phải đắp thêm hồ mà việc đắp thêm này phải dùng “hồ dầu” như một lớp liên kết ở giữa để kết dính với lớp hồ mới, thêm vào đó vách tường 3,2m x 6m do lớp hồ tô thêm cho đúng kích thước quá dày nên phải chia ra 02 lần tô, cách nhau 02 ngày,... Tuy nhiên, ông Ú đã tham khảo chuyên môn từ thợ hồ thì được cho biết việc sửa chữa này tốn chi phí trong khoảng 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng. Do đó, ông Ú yêu cầu bồi thường con số thấp nhất trong khoảng đó là 7.000.000 đồng.

3. Thiệt hại 02 tấm đal bê tông bị ông S và bà N làm sai lỗi không thể khắc phục với số tiền 2.100.000 đồng. Trong đó, chi phí 01 tấm đal bê tông cốt thép gồm:

Sắt 10-V: $5,4 \text{ cây} \times 103.000 \text{ đồng} = 556.200 \text{ đồng}$; xi măng Insee: $03 \text{ bao} \times 85.000 \text{ đồng} = 255.000 \text{ đồng}$; cát Campuchia: $0,22\text{m}^3 \times 320.000 \text{ đồng} = 70.400 \text{ đồng}$; đá 1/2: $0,4\text{m}^3 \times 470.000 \text{ đồng} = 188.000 \text{ đồng}$. Như vậy, chi phí cho 01 tấm bê tông cốt thép là 1.069.600 đồng nên 02 tấm bê tông cốt thép là $1.069.600 \text{ đồng} \times 2 = 2.139.200 \text{ đồng}$. Ông Ú bỏ đi phần lẻ, chỉ yêu cầu bồi thường 2.100.000 đồng.

4. Thiệt hại 02 kim tinh bị ông S và bà N thi công mà không “hôm” dẫn đến bị thấm nước không thể sử dụng được với số tiền 6.800.000 đồng. Trong đó, chi phí chi tiết cho 01 kim tinh gồm: Sắt 12-V: $07 \text{ cây} \times 159.000 \text{ đồng} = 1.113.00 \text{ đồng}$; đá 4/6: $0,31\text{m}^3 \times 420.000 \text{ đồng} = 130.200 \text{ đồng}$; xi măng Insee: $06 \text{ bao} \times 85.000 \text{ đồng} = 510.000 \text{ đồng}$; cát Campuchia: $0,56\text{m}^3 \times 320.000 \text{ đồng} = 179.200 \text{ đồng}$; đá 1/2: $0,32\text{m}^3 \times 470.000 \text{ đồng} = 150.400 \text{ đồng}$; gạch ống 8×18 , đồ đậm, lỗ tròn: $1.000 \text{ viên} \times 1.350 \text{ đồng} = 1.350.000 \text{ đồng}$. Như vậy, chi phí 01 kim tinh là 3.432.800 đồng nên 02 kim tinh là $3.432.800 \text{ đồng} \times 2 = 6.865.600 \text{ đồng}$. Ông Ú bỏ đi phần lẻ, chỉ yêu cầu bồi thường 6.800.000 đồng.

- Theo ông Nguyễn Văn S trình bày:

Ông Ú có thuê ông S và bà Huỳnh Thị N (là vợ của ông S) để làm nhà mồ cho gia đình ông Ú. Cụ thể ngày 02/3/2025 âm lịch, ông S và ông Ú có thỏa thuận bằng lời nói là ông S và bà N làm nhà mồ cho gia đình ông Ú với số tiền công là 27.000.000 đồng. Đến khoảng ngày 17/3/2025 âm lịch, ông Ú có viết biên nhận có nội dung: “Tôi có làm nhà mồ của ông Ú với giá tiền là 27.000.000 đồng và tôi có nhận trước của ông Ú số tiền 7.000.000 đồng vào ngày 02/3/2025 âm lịch”. Khi làm nhà mồ cho gia đình ông Ú thì ông S và bà N với ông Ú không có làm hợp đồng, không có làm giấy tờ gì khác chỉ có Biên nhận vào ngày 17/3/2025 âm lịch do ông Ú viết nhưng Biên nhận này không có ghi ngày, tháng, năm; sau đó ông S có ký tên và ghi họ tên của ông S. Khi thuê ông S và bà N làm nhà mồ thì ban đầu thỏa thuận chiều ngang 6m x chiều dài 6m = 36m^2 ở ấp B, xã V, tỉnh Cà Mau. Nhưng khi ông S và bà N đi đo đạc để làm móng nền nhà mồ thì diện tích lúc này tăng lên là chiều ngang 6,4m x chiều dài 6,4m = $40,96\text{m}^2$ thì ông S và bà N vẫn đồng ý thi công công trình và vẫn giá cũ là 27.000.000 đồng. Ông S và bà N với ông Ú thỏa thuận là khi nào làm xong nhà mồ cũng được. Ông S và bà N bắt đầu làm nhà mồ cho ông Ú vào ngày 02/3/2025 âm lịch.

Vào ngày 25/3/2025 âm lịch, ông S và bà N thuê ông Tạ Thanh M và ông Lê Thanh B1 vào làm nhà mồ thì ông Ú không có ý kiến gì, vẫn cho ông M và ông B1 làm. Tuy nhiên, đến ngày 26/3/2025 âm lịch thì ông Ú lại dùng dao rượt đuổi ông M không cho làm nữa. Do đó, từ ngày 26/3/2025 âm lịch ông S và bà N không còn làm nhà mồ cho ông Ú nữa. Khi thỏa thuận làm nhà mồ thì ông S và bà N với ông Ú không có thỏa thuận khi bên thuê không cho làm nữa thì phải chịu hậu quả gì và bên được thuê không hoàn thành công trình thì phải chịu hậu quả gì.

Nay ông Ú khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông S và bà N hoàn trả và bồi thường thiệt hại cho ông Ú với tổng số tiền là 35.400.000 đồng, trong đó hoàn trả số tiền là 7.000.000 đồng và tiền bồi thường thiệt hại là 28.400.000 đồng thì ông S không đồng ý, lý do:

1. Đối với số tiền ứng trước 7.000.000 đồng thì ông S có nhận và có ký tên vào Biên nhận do ông Ú viết. Tuy nhiên, ông S và bà N đã làm nhà mồ cho gia đình ông Ú đến ngày 25/3/2025 đã là được 70% của công trình, chỉ còn dán gạch và làm nóc. Như vậy, phần công trình ông S và bà N đã làm 70% là 18.900.000 đồng nhưng ông S và bà N mới nhận 7.000.000 đồng, nhưng ông S không yêu cầu ông Ú trả thêm cho ông S.

2. Đối với yêu cầu của ông Ú yêu cầu ông S và bà N bồi thường thiệt hại số tiền 28.400.000 đồng, ông S có ý kiến như sau:

+ Chi phí thuê thợ mới để hoàn thành công trình tổng cộng là 12.500.000 đồng thì ông S không đồng ý. Vì ông Ú tự thuê thợ mới để hoàn thành công trình thì ông Ú tự trả.

+ Chi phí sửa chữa các hạng mục công trình bị ông S và bà N thi công sai lỗi tổng cộng là 7.000.000 đồng, gồm: 06 cây cột 3,2m/cây, cây đà dài 22,4m, lan can dài 16m, đoạn đà tường dài 3,5m, vách tường kích thước 3,2m x 6m, hư tổn 06 móng cột và bức tường lan can rộng 1,6m² thì ông S không đồng ý. Vì ông S và bà N thi công đúng, không sai.

+ Thiệt hại 02 tấm đāl bê tông bị ông S và bà N làm sai lỗi không thể khắc phục với số tiền 2.100.000 đồng thì ông S không đồng ý. Vì ông S và bà N không có làm thiệt hại 02 tấm đāl bê tông.

+ Thiệt hại 02 kim tĩnh bị ông S và bà N thi công mà không “hôm” dẫn đến bị thấm nước không thể sử dụng được với số tiền 6.800.000 đồng thì ông S không đồng ý. Vì ông S và bà N đã hôm đúng theo quy cách của thợ hồ.

Ông S muốn giải quyết vụ án cho qua chuyện nên đồng ý cùng với bà N bồi thường số tiền 350.000 đồng cho ông Ú nhưng chỉ giao ở cơ quan. Ngoài ra, ông S không có yêu cầu gì trong vụ án này.

- Theo bà Huỳnh Thị N trình bày :

Bà N thống nhất với ý kiến trình bày của ông S, không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Ú.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 122/2026/DS-ST ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Cà Mau quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn Ú đối với ông Nguyễn Văn S và bà Huỳnh Thị N về yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền 350.000 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn S và bà Huỳnh Thị N bồi thường thiệt hại cho ông Huỳnh Văn Ú số tiền 350.000 đồng.

Buộc ông Nguyễn Văn S và bà Huỳnh Thị N cùng có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho ông Huỳnh Văn Ú số tiền 350.000 đồng.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn Ú buộc ông Nguyễn Văn S và bà Huỳnh Thị N hoàn trả và bồi thường thiệt hại với tổng số

tiền 35.050.000 đồng. Trong đó: Số tiền hoàn trả là 7.000.000 đồng và tiền bồi thường thiệt hại là 28.050.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 10/7/2026, ông Huỳnh Văn Ú có đơn kháng cáo, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn Ú.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh Văn Ú giữ nguyên kháng cáo.

Phản tranh luận tại phiên tòa:

Anh Huỳnh Hoàng B phát biểu: Việc ông S và bà N tự ý bỏ dỡ, không tiếp tục thi công hoàn thành nhà mồ theo thỏa thuận là lỗi của ông S và bà N, Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng do lỗi của ông Ú là không đúng. Do ông S và bà N không tiếp tục thi công nên ông Ú phải thuê thợ khác để thi công hoàn thành nhà mồ, tiền công phát sinh vượt hơn mức tiền công đã thỏa thuận với ông S và bà N. Đồng thời, trong quá trình ông S và bà N thi công các hạng mục cũng bị lỗi, sai quy cách, nên phải khắc phục, sửa chữa, làm lại; từ đó dẫn đến thiệt hại cho ông Ú, nên ông Ú khởi kiện yêu cầu ông S và bà N trả lại số tiền đã nhận và bồi thường thiệt hại là có căn cứ. Do đó, yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông Ú, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Ú.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Huỳnh Văn Ú, giữ nguyên Bản án dân sự phúc thẩm số 122/2026/DS-ST ngày 26/6/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Cà Mau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Huỳnh Văn Ú, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Vào ngày 02/3/2025 al (nhằm ngày 30/3/2025 dl), giữa ông Ú với vợ chồng ông S và bà N có thỏa thuận hợp đồng với nhau, ông Ú có thuê vợ chồng ông S và bà N xây cất nhà mồ cho gia đình ông Ú với giá tiền công là 27.000.000 đồng; việc thỏa thuận hợp đồng chỉ bằng lời nói, không lập thành văn bản; ông S và bà N có ứng trước của ông Ú số tiền 7.000.000 đồng. Ông S và bà N tiến hành thi công việc xây cất cho gia đình ông Ú từ ngày 02/3/2025 al đến ngày 26/3/2025 al thì nghỉ không làm tiếp.

Ông Ú cho rằng do ông S và bà N làm không được, rồi bỏ nửa chừng. Do đó, ông Ú yêu cầu ông S và bà N trả lại số tiền đã nhận 7.000.000 đồng và bồi thường thiệt hại số tiền 28.400.000 đồng (bao gồm tiền công thuê người khác và chi phí

khắc phục, sửa chữa, làm lại các hạng mục không đạt yêu cầu); tổng cộng số tiền là 35.400.000 đồng.

Ông S và bà N cho rằng vào ngày 25/3/2025 al ông, bà có thuê ông Tạ Thanh M và ông Lê Thanh B1 làm nhà mô cho gia đình ông Ú thì ông Ú không có ý kiến gì, vẫn cho ông M và ông B1 làm; đến ngày 26/3/2025 al thì ông Ú lại dùng dao rượt đuổi ông M không cho làm nữa (quá trình giải quyết vụ án ông Ú cũng thừa nhận có dùng dao rượt ông M). Do đó, từ ngày 26/3/2025 al ông, bà không tiếp tục làm nhà mô cho gia đình ông Ú nữa. Ông S và bà N không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của ông Ú.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Ú về việc buộc ông S và bà N trả lại số tiền đã nhận 7.000.000 đồng, xét thấy:

Ông Ú với ông S và bà N đều thống nhất xác định ông S và bà N tiến hành thi công xây cất nhà mô từ ngày 02/3/2025 al, đến ngày 26/3/2025 al thì nghỉ không làm nữa. Ông Ú cho rằng trong khoảng thời gian trên, ông S và bà N có ngày làm, ngày nghỉ; thời gian làm thực tế chỉ khoảng 10 ngày, mức độ hoàn thành chỉ từ 20% đến 30% các hạng mục của nhà mô. Ông S và bà N cho rằng thời gian làm liên tục, mức độ hoàn thành khoảng 70% các hạng mục của nhà mô. Xét lời trình bày của ông Ú với ông S và bà N là không thống nhất với nhau; do khi ông S và bà N nghỉ không thi công tiếp thì các bên cũng không có việc đối chiếu với nhau hoặc ông Ú có mời chính quyền địa phương hay cơ quan chức năng lập biên bản để xác định mức độ hoàn thành các hạng mục của nhà mô mà ông S và bà N đã thực hiện, nên không có cơ sở để xác định mức độ hoàn thành từ 20% đến 30% như ông Ú xác định hay 70% như ông S và bà N xác định.

Tuy nhiên, theo thoả thuận tiền công cho việc xây cất hoàn thành phần nhà mô số tiền là 27.000.000 đồng, nhưng ông S và bà N chỉ mới nhận trước là 7.000.000 đồng (còn lại chưa nhận là 20.000.000 đồng). Giả sử, ông S và bà N thực hiện việc công việc chỉ đạt 30% của phần nhà mô thì sẽ tương ứng với số tiền công là 8.100.000 đồng, trong khi đó ông S và bà N chỉ mới nhận là 7.000.000 đồng; đáng lẽ ra ông Ú phải trả tiền công thêm cho ông S và bà N số tiền là 1.100.000 đồng, nhưng ông S và bà N không yêu cầu ông Ú phải trả thêm là đã có lợi cho ông Ú. Do đó, yêu cầu của ông Ú về việc buộc ông S và bà N trả lại số tiền đã nhận 7.000.000 đồng là không có cơ sở để chấp nhận.

[3] Đối với yêu cầu của ông Ú yêu cầu ông S và bà N bồi thường thiệt hại với tổng số tiền là 28.400.000 đồng, bao gồm: Tiền công thuê thợ khác để hoàn thành nhà mô vượt hơn tiền công đã thoả thuận với ông S và N là 12.500.000 đồng; chi phí sửa chữa các hạng mục do ông S và bà N thi công bị lỗi, không đúng là 7.000.000 đồng; thiệt hại 02 tấm đāl bê tông do ông S và bà N làm sai phải khắc phục lại là 2.100.000 đồng; thiệt hại 02 kim tĩnh do ông S và bà N thi công không “hôm” dẫn đến thấm nước không sử dụng được là 6.800.000 đồng. Xét thấy:

[3.1] Đối với khoản tiền mà ông Ú cho rằng bị thiệt hại do thuê thợ khác tiếp tục thi công để hoàn thành nhà mô là 12.500.000 đồng:

Theo thoả thuận giữa ông Ú với ông S và bà N tổng số tiền công để hoàn thành nhà mô là 27.000.000 đồng; ông S và bà N chỉ mới nhận trước là 7.000.000 đồng, còn lại chưa nhận là 20.000.000 đồng. Việc ông S và bà N không tiếp tục thực hiện việc thi công để hoàn thành nhà mô cũng có phần do lỗi của ông Ú dùng dao rượt ông M là người mà ông S và bà N thuê để làm nhà mô. Nên việc ông Ú tiếp tục thuê người khác tiếp tục thi công làm nhà mô và trả tiền công cho họ thì ông Ú tự chịu; do đó, việc ông Ú yêu cầu ông S và bà N phải bồi thường thiệt hại cho ông khoản tiền công này là không có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Đối với phần ông Ú yêu cầu bồi thường thiệt hại do cho rằng ông S và bà N thực hiện thi công các hạng mục công trình không đúng, dẫn đến thiệt hại phải khắc phục sửa chữa lại hoặc không sử dụng được, xét thấy:

Hợp đồng xây cất nhà mô giữa ông Ú với ông S và bà N chỉ thoả thuận bằng lời nói, không lập thành văn bản, không có bản vẽ thiết kế, cũng không có văn bản thoả thuận cụ thể về quy cách, kết cấu, tiêu chuẩn kỹ thuật, kích thước, phương thức thi công, chất lượng,...từng hạng của nhà mô. Đồng thời, các bên cũng không có thoả thuận bất cứ vấn đề gì khác để ràng buộc trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện thoả thuận hợp đồng. Vì vậy, việc ông Ú cho rằng ông S và bà N trong quá trình thi công các hạng mục thuộc công trình nhà mô đã thi công sai lỗi, không đúng quy cách chỉ là ý kiến của riêng cá nhân ông Ú, chưa được cơ quan chức năng giám định để kết luận. Khi ông S và bà N không tiếp tục thi công nhà mô nữa thì phía ông Ú cũng không mời chính quyền địa phương hoặc cơ quan chức năng lập biên bản để xác định tình trạng của công trình nhà mô và các hạng mục mà ông S và bà Ú đã thi công; sau khi ông S và bà N không tiếp tục việc thi công thì ông Ú đã thuê người khác tiếp tục thi công việc xây cất nhà mô, đến nay nhà mô đã hoàn thành và đưa vào sử dụng, nên không thể thực hiện được việc thẩm định, giám định để xác định tình trạng các hạng mục của phần nhà mô mà ông S và bà N đã thực hiện thi công tại thời điểm ông S và bà N không tiếp tục thực hiện thi công (ngày 26/3/2026 al). Do đó, không có cơ sở để xác định ông S và bà N thực hiện việc thi công các hạng mục của nhà mô sai quy cách, kỹ thuật dẫn đến thiệt hại như ông Ú trình bày nên việc ông Ú yêu cầu bồi thường thiệt hại cho ông Ú đối với phần này là không có cơ sở chấp nhận.

[4] Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, ông S và bà N xác định chỉ có ở vị trí giáp góc siêng kiềng không câu sắt vào nên ông Ú cho rằng ông S đã thi công không đúng quy cách, nếu khắc phục thì thời gian khoảng 01 ngày công, chi phí khoảng 300.000 đồng đến 400.000 đồng, nên ông S và bà N đồng ý bồi thường cho ông Ú số tiền 350.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông S và bà N bồi thường cho ông Ú số tiền bằng 350.000 đồng là có cơ sở.

[5] Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Huỳnh Văn Ú, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 122/2026/DS-ST ngày 26/6/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Cà Mau là phù hợp, nhưng có điều chỉnh cách tuyên của bản án sơ thẩm.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tại phiên tòa là phù hợp nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[7] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Huỳnh Văn Ú phải chịu 300.000 đồng, đã dự nộp được chuyển thu.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Huỳnh Văn Ú.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 122/2026/DS-ST ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Cà Mau.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn Ú.

Buộc ông Nguyễn Văn S và bà Huỳnh Thị N cùng có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho ông Huỳnh Văn Ú số tiền là 350.000 đồng (Ba trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày ông Ú có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng ông S và bà N còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn Ú đối với ông Nguyễn Văn S và bà Huỳnh Thị N với số tiền là 35.050.000 đồng (Trong đó: Số tiền hoàn trả là 7.000.000 đồng và tiền bồi thường thiệt hại là 28.050.000 đồng).

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn S và bà Huỳnh Thị N phải chịu 300.000 đồng.

Ông Huỳnh Văn Ú phải chịu 1.752.500 đồng. Ngày 25/11/2025, ông Ú đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 885.000 đồng theo biên lai thu số 0005295 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau, đối trừ ông Ú còn phải nộp tiếp 867.500 đồng.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Huỳnh Văn Ú phải chịu 300.000 đồng. Ngày 14/7/2026 ông Ú đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000686 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được đối trừ chuyển thu án phí.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều Điều 4, 7, 8, 34, 36 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ninh Quang Thế

Nguyễn A Đam

Nguyễn Thành Lập

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực 9 - Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Lập